| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÙ ĐĂNG**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **01**/2019/KDTM-ST
Ngày: 19-9-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Thanh Tuấn – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18 và ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2018/TLST – KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ
Địa chỉ: Số 25, Trần Hưng Đ, p. Phan Chu Tr, quận Hoàn K, TP. Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ng – chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Th, sinh năm: 1985
(Theo nội dung giấy ủy quyền số 953/2014/UQ-SeABank ngày 27/8/2014 và giấy ủy quyền số 380/2017/UQ-SeABank ngày 28/11/2017)
Nơi cư trú: Số 859, Trần Hưng Đ, phường 01, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- *Bị đơn:* Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng
Địa chỉ: Ấp 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1969
HKTT: Ấp 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
Nơi cư trú hiện nay: Số 161, ấp Th, thị trấn Th, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Hải H, sinh năm: 1976

2/ Bà Trần Diễm Th, sinh năm: 1976

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

3/ Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1972

4/ Bà Phạm Kim Y, sinh năm: 1971

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước

*(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-11-2017 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP Đ) và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn Th trình bày:* Ngày 30/3/2011 Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH Sơn Trung Ng) đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 21011-HĐTD/HM-DN với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Chợ Lớn (nay là chi nhánh Sài Gòn), giá trị hạn mức tối đa 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) cho mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng. Bên vay phải trả tiến gốc cuối kỳ, trả lãi theo dư nợ giảm dần vào ngày 25 hàng tháng. Lãi suất vay là 23%/ năm, lãi suất được thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty TNHH Sơn Trung Ng đã nhận đủ số tiền 4.900.000đ (bốn tỷ chín trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ lần 2 và giấy lần nợ lần 3 ngày 29/9/2011. Thời hạn vay 06 tháng từ ngày 29/9/2011 đến ngày 29/3/2012

Khi ký hợp đồng hạn mức tín dụng nói trên thì Công ty TNHH Sơn Trung Ng có thế chấp các tài sản để đảm bảo khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01 và số 02 có diện tích 13.356m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 173/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2000 đứng tên hộ ông Phạm Hải H); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 5 có diện tích 369m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 124/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/11/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 10.290m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 170/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/7/1996 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ). Việc thế chấp tài sản có ký kết hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Phước và đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định. Đến nay phía công ty TNHH Sơn Trung Ng không trả nợ theo thỏa thuận, để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 29/3/2012 cho đến nay. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, làm vệc yêu cầu công ty TNHH Sơn Trung Ng trả nợ nhưng công ty TNHH Sơn Trung Nguyên không hợp

tác. Nay ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét: Buộc công ty TNHH Sơn Trung Ng trả số tiền vay 4.900.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi về mức lãi suất, đề nghị Hội đồng xem xét: Buộc công ty TNHH Sơn Trung Ng trả số tiền vay 4.900.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay theo lãi suất 23%/năm đến ngày xét xử là 8.978.433.325đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay; Nếu Công ty TNHH Sơn Trung Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng trình bày:* Công ty hoàn toàn đồng ý với lời khai của nguyên đơn. Công ty TNHH Sơn Trung Ng có ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 21011-HĐTD/HM-DN với Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Chợ Lớn (nay là chi nhánh Sài Gòn), giá trị hạn mức tối đa 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) cho mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 29/9/2019 công ty TNHH Sơn Trung Ng đã nhận đủ số tiền 4.900.000.000đ. Thời hạn trả số tiền vay là 06 tháng. Khi ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng thì công ty TNHH Sơn Trung Ng có thế chấp 03 tài sản như phía Ngân hàng đã trình bày. Ngoài ra ngày 30/3/2011 và ngày 17/10/2012 Công ty TNHH Sơn Trung Ng và Ngân hàng có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay số 21011. Tài sản cầm cố là 195.000kg hạt điều khô. Tài sản cầm cố này được quản lý, bảo quản tại kho hàng của Công ty TNHH Sơn Trung Ng, được Công ty TNHH Sơn Trung Ng và ngân hàng thống nhất thuê công ty bảo vệ tài sản cấm cố. Công ty thừa nhận đến nay công ty mới trả được tiền lãi cho Ngân hàng quý đầu, còn từ quý 2 trở đi do hạt điều xuống giá, việc kinh doanh khó khăn nên Công ty không trả tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Năm 2015 Công ty TNHH Sơn Trung Ng có gửi Công văn đề xuất phương án trả nợ đối với Ngân hàng. Ngày 05/11/2015 Ngân hàng đã bàn giao toàn bộ tài sản cầm cố cho công ty TNHH Sơn Trung Ng quản lý, bảo quản. Hiện nay tài sản cầm cố vẫn đang được quản lý, bảo quản ở trong kho của Công ty TNHH Sơn Trung Ng. Nay Ngân hàng khởi kiện, Công ty đồng ý trả tiền vay 4.900.000.000đ và tiền lãi. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Công ty đề nghị xử lý tài sản cấm cố trước, trường hợp không đủ để thanh toán thì mới xử lý tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp tương ứng với giá trị của tài sản thế chấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Thẩm phán có vi phạm về thời hạn giải quyết án.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc vay số tiền 4.900.000.000đ, phía bị đơn đồng ý trả số tiền vay này nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Đối với yêu cầu khấu trừ tài sản cầm cố của bị đơn: Tòa án đã ban hành thông báo về việc nộp đơn phản tố nhưng bị đơn không thực hiện nên không có cơ sở để giải quyết. Do đó, căn cứ vào Điều 463, 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị T (là đại diện theo pháp luật của bị đơn), ông Phạm Hải H, bà Trần Diễm Th, ông Nguyễn Tấn Đ, bà Phạm Kim Y (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T, ông Phạm Hải H, bà Trần Diễm Th, ông Nguyễn Tấn Đ, bà Phạm Kim Y.

[2] Xét: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Ngân hàng TMCP Đ cung cấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng đều có đăng ký kinh doanh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Công ty TNHH Sơn Trung Ng có trụ sở tại thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH Sơn Trung Ng được lập trong năm 2011. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

[4] Xét thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Công ty TNHH Sơn Trung Ng trả số tiền vay và tiền lãi. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu trả tiền gốc không áp dụng thời hiệu;

Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Tại điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: d. Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này"*. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Các bên thừa nhận thời hạn Công ty TNHH Sơn Trung Ng phải trả tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ

chậm nhất là ngày 29/3/2012. Tuy nhiên, tại Công văn v/v phương án trả nợ SeABank của Công ty TNHH Sơn Trung Ng có nội dung "tính đến ngày 30/9/2015 dư nợ của Công ty Sơn Trung Ng tại quý Ngân hàng là 10.937.000.000đ.....có cam kết thanh toán nợ chậm nhất 30/11/2015". Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 162 ủa Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện về yêu cầu tiền lãi được tính lại từ tháng 11 năm 2015. Ngày 18/01/2018 Ngân hàng TMCP Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước. Như vậy, tính đến ngày khởi kiện thì yêu cầu khởi kiện về trả tiền lãi của Ngân hàng TMCP Đ vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Công ty TNHH Sơn Trung Ng trả số tiền vay 4.900.000.000đ: Ngân hàng TMCP Đ khai nhận Ngân hàng có ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng với Công ty TNHH Sơn Trung Ng, giá trị hạn mức tối đa 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng) cho mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Công ty TNHH Sơn Trung Ng đã nhận đủ số tiền 4.900.000.000đ (bốn tỷ chín trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ lần 2 và giấy lần nợ lần 3 ngày 29/9/2011. Ngân hàng TMCP Đ cung cấp hồ sơ tín dụng và giấy nhận nợ lần 2, lần 3 để chứng minh cho lời khai của mình (bút lục số 44, 06, 07). Công ty TNHH Sơn Trung Ng thừa nhận việc vay tiền này và xác nhận giấy nhận tiền là đúng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc Công ty TNHH Sơn Trung Ng vay số tiền 4.900.000.000đ của Ngân hàng TMCP Đ là có thật.

Các bên đều thừa nhận thời hạn vay là 6 tháng. Như vậy, thời hạn Công ty TNHH Sơn Trung Ng phải trả tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ chậm nhất là ngày 29/3/2012. Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.."*. Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH Sơn Trung Ng trả số tiền vay 4.900.000.000đ là có cơ sở.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Theo nội dung của giấy nhận nợ lập ngày 29/9/2011 thì lãi suất cho vay là 23%/ năm, thời hạn vay là 6 tháng. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận…. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất"*. Như vậy, cần áp dụng mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 23%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 34,5%/ năm. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất,

cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo lãi suất 23%/ năm, đối với lãi suất quá hạn không xem xét áp dụng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét thấy việc thay đổi lãi suất của Ngân hàng không vượt quá phạm vi khởi kiện và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn khai nhận bị đơn đã trả tiền lãi 01 quý, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, tiền lãi công ty Sơn Trung Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ là: tính từ ngày 29/9/2011 đến ngày 19/9/2019 là 7 năm 11 tháng 20 ngày x 4.900.000.000đ x 23%/ năm là 8.984.694.426đ

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

[7.1] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH Sơn Trung Ng đều thừa nhận khi vay vốn Công ty TNHH Sơn Trung Ng có thế chấp các tài sản để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Sơn Trung Ng gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01 có diện tích 110m$^2$, thửa đất số 02 có diện tích 13.246m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 173/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2000 đứng tên hộ ông Phạm Hải H); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 5 có diện tích 369m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 124/QSDĐ do UBND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/11/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 10.290m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 170/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/7/1996 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ). Khi thế chấp tài sản có ký kết hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) lập ngày 30/3/2011 và được công chứng tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bình Phước. Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) lập ngày 30/3/2011 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B, tỉnh Bình Phước (bút lục số 30,31). Căn cứ vào Điều 342 và Điều 343 của Bộ luật Dân sự xác định Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận trong các tài sản để bảo đảm thì hiện nay nguyên đơn không xác định được vị trí của hai tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 13.246m$^2$ thuộc thửa đất số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 173/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2000 đứng tên hộ ông Phạm Hải H) và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 10.290m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 170/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/7/1996 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ) nên Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tài sản được. Do đó, đối với hai tài sản thế chấp này Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7.2] Xét yêu cầu của bị đơn về việc xử lý tài sản thế chấp và tài sản cầm cố: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Công ty TNHH Sơn Trung Ng khai nhận ngoài việc thế chấp các tài sản nói trên, Công ty TNHH Sơn Trung Ng còn cầm cố 195.000kg hạt điều khô theo hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay số 21011 và phía Công ty TNHH Sơn Trung Ng đề nghị xử lý tài sản cấm cố trước, trường hợp không đủ để thanh toán thì mới xử lý tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp tương ứng với giá trị của tài sản thế chấp. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu của bị đơn. Xét: Ngân hàng TMCP Đ không có yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Ngày 25/7/2018 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước có thông báo v/v nộp đơn phản tố và các tài liệu, chứng cứ kèm theo và đã gửi Thông báo này cho Công ty TNHH Sơn Trung Ng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Sơn Trung Ng không thực hiện theo nội dung của Thông báo này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết. Bên cạnh đó, tại khoản 6 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 21011-HĐHM-NH-DN ký ngày 30/3/2011 có ghi nhận: *"Trong trường hợp bên thế chấp có nhiều tài sản bảo đảm tại SeABank thì SeABank có quyền lựa chọn từng tài sản cụ thể để xử lý trước"* và tại khoản 6 Điều 5 của Hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay số 21011/HĐTC-HM/DN ký ngày 30/3/2011 có ghi nhận: *"Trong trường hợp bên cầm cố có nhiều tài sản bảo đảm tại SeABank thì SeABank có quyền lựa chọn từng tài sản cụ thể để xử lý trước"*.

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) lập ngày 30/3/2011 ghi nhận: *"Bên thế chấp đồng ý thế chấp những tài sản của mình tại Điều 2 Hợp đồng này và dùng toàn bộ giá trị tài sản này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên vay đối với SeABank (bên nhận thế chấp), phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng này"* và khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng cầm cố tài sản số 21011/HĐCC-DN/02 lập ngày 17/10/2012 có ghi nhận: *"Bên B tự nguyện cầm cố các tài sản nói trên cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ các khoản vay/ nghĩa vụ bảo lãnh/nghĩa vụ thanh toán LC của bên B tại bên A theo các hợp đồng tín dụng/ hợp đồng bảo lãnh ký giữa hai bên"*. Các thỏa thuận trên đây của các bên phù hợp với quy định tại Điều 347 và Điều 334 của Bộ luật Dân sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc xử lý tài sản thế chấp tương ứng với giá trị của tài sản thế chấp.

[8] Về chi phí tố tụng: Tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận"* và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ"*. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[9] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn Công ty TNHH Sơn Trung Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 157, Điều 158, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Buộc bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay là 4.900.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 29/9/2011 đến ngày 19/9/2019 là 8.984.694.426đ. Tổng cộng là 13.884.694.426đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng số 21011-HĐTD/HM-DN ký ngày 30/3/2011 và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng thanh toán xong nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản mà Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) số: 21011-HĐHM-NH-DN-01 ký ngày 30/3/2011 và Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) số: 21011-HĐHM-NH-DN-02 ký ngày 30/3/2011

Nếu bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01 có diện tích 110m$^2$ tọa lạc tại ấp 4, xã Ng (nay là thôn B, xã Ng), huyện B, tỉnh Bình Phước (theo theo giấy CNQSDĐ số 173/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2000 đứng tên hộ ông Phạm Hải H) và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 5 có diện tích 369m$^2$ tọa lạc tại xã Ng (nay là thôn B, xã Ng), huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 124/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/11/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ) theo Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) số: 21011-HĐHM-NH-DN-01 ký ngày 30/3/2011 và Hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở (của bên thứ ba) số: 21011-HĐHM-NH-DN-02 ký ngày 30/3/2011 để thu hồi nợ.

Đối với tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 13.246m$^2$ thuộc thửa đất số 02 tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 173/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2000 đứng tên hộ ông Phạm Hải H) và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 10.290m2 tọa lạc tại ấp 4, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo giấy CNQSDĐ số 170/QSDĐ do UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/7/1996 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn Đ) không xem xét, giải quyết.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ.

3/ Về án phí: Buộc bị đơn Công ty TNHH TMDV vận tải xuất nhập khẩu Sơn Trung Ng phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 210.846.944đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 61.187.320đ theo biên lai thu tiền số 0021878 ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND t. Bình Phước ;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Trần Thị Phương Hạnh**